

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ưông Ngọc Hải	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2015)
Ông Lê Tự Hiếu	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2015)
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Phạm Cương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2015)
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Giám đốc
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Việt Thắng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 05 tháng 02 năm 2016

Số: 228 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05 tháng 02 năm 2016 từ trang 4 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)


Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.




Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0049-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 05 tháng 02 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Nguyễn Thị Lê Trang
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2383-2013-001-1

11.41 7 4 D. 54

10.11 4/2/16 UH E

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.980.677.860.169	2.768.010.209.671
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.108.501.344.977	726.126.885.017
1. Tiền	111		108.501.344.977	186.126.885.017
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000.000	540.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.576.123.809.496	1.766.525.503.825
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.421.490.243.475	1.592.220.067.017
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		147.020.019.418	164.906.169.696
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	42.952.025.978	43.203.152.894
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(35.338.479.375)	(33.803.885.782)
III. Hàng tồn kho	140		287.993.190.464	275.347.492.286
1. Hàng tồn kho	141	9	287.993.190.464	275.347.492.286
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.059.515.232	10.328.543
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	8.049.669.484	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.845.748	10.328.543
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.663.994.166.651	9.715.538.767.888
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		367.755.862.894	532.242.417.841
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	328.973.109.894	493.459.664.841
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	38.782.753.000	38.782.753.000
II. Tài sản cố định	220		7.617.942.026.184	8.305.931.981.670
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.588.706.105.493	8.275.788.620.334
- Nguyên giá	222		11.295.755.880.632	11.294.005.678.629
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.707.049.775.139)	(3.018.217.058.295)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	29.235.920.691	30.143.361.336
- Nguyên giá	228		30.823.217.421	30.198.260.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.587.296.730)	(54.899.585)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.694.983.454	304.606.500
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	5.694.983.454	304.606.500
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	11.140.000.000	11.140.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.140.000.000)	(11.140.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		672.601.294.119	877.059.761.877
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	671.669.974.785	877.059.761.877
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	931.319.334	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.644.672.026.820	12.483.548.977.559

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.876.213.880.783	8.236.865.216.747
I. Nợ ngắn hạn	310		2.023.085.133.370	2.376.611.799.114
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	610.604.963.934	810.266.679.604
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	141.527.642.896	205.117.531.409
3. Phải trả người lao động	314		30.078.428.592	22.367.282.634
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	118.285.481.506	114.999.951.807
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	48.265.419.152	169.237.057.523
6. Vay ngắn hạn	320	20	1.053.664.813.698	1.051.902.984.892
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.658.383.592	2.720.311.245
II. Nợ dài hạn	330		4.853.128.747.413	5.860.253.417.633
1. Vay dài hạn	338	20	4.811.731.814.220	5.855.706.484.440
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		41.396.933.193	4.546.933.193
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.768.458.146.037	4.246.683.760.812
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	4.768.458.146.037	4.246.683.760.812
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.739.198.430.000	2.560.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.739.198.430.000	2.560.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(113.000.000)	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	169.237.381.136
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		79.801.049.931	20.850.842.750
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.949.571.666.106	1.496.595.536.926
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.074.471.803.522	33.632.300.326
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		875.099.862.584	1.462.963.236.600
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.644.672.026.820	12.483.548.977.559
(440=300+400)				



Lê Việt An
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 05 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng	01		6.729.438.340.659	7.064.916.896.183
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	24	6.729.438.340.659	7.064.916.896.183
3. Giá vốn hàng bán	11		5.087.664.858.289	5.413.263.603.599
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		1.641.773.482.370	1.651.653.292.584
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	65.035.085.646	450.491.826.918
6. Chi phí tài chính	22	27	359.437.861.454	437.192.587.233
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		183.332.784.973	219.382.885.672
7. Chi phí bán hàng	25	28	101.884.233	220.921.866
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	146.225.472.119	74.703.817.112
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.201.043.350.210	1.590.027.793.291
10. Thu nhập khác	31		1.303.397.080	1.957.163.967
11. Chi phí khác	32		537.006.831	1.021.720.658
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		766.390.249	935.443.309
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.201.809.740.459	1.590.963.236.600
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	61.113.338.509	-
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	(931.319.334)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.141.627.721.284	1.590.963.236.600
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.095	5.735



Lê Việt An
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc
Ngày 05 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.201.809.740.459	1.590.963.236.600
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	691.852.622.322	838.694.238.760
Các khoản dự phòng	03	1.534.593.593	9.862.843.446
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	9.690.448.915	(403.709.545.794)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(38.075.306.380)	(25.626.821.679)
Chi phí lãi vay	06	183.332.784.973	219.382.885.672
Các khoản điều chỉnh khác	07	37.000.000.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.087.144.883.882	2.229.566.837.005
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	353.105.408.261	(819.743.571.508)
Tăng hàng tồn kho	10	(12.645.698.178)	(54.033.434.370)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(301.490.370.277)	250.937.261.253
Giảm chi phí trả trước	12	197.340.117.608	147.700.655.257
Tiền lãi vay đã trả	14	(173.788.568.154)	(221.327.916.244)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(35.607.059.592)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(22.710.641.058)	(4.768.038.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.091.348.072.492	1.528.331.793.211
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(5.048.778.835)	(8.152.835.279)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	463.829.091	710.313.623
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	246.461.181.788
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	37.860.207.506	25.144.485.928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	33.275.257.762	264.163.146.060
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	163.619.754.337
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.043.394.610.429)	(1.287.234.522.288)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(698.853.979.305)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.742.248.589.734)	(1.123.614.767.951)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	382.374.740.520	668.880.171.320
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	726.126.885.017	57.246.674.887
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(280.560)	38.810
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.108.501.344.977	726.126.885.017

Lê Việt An
 Người lập biểu

Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
 Giám đốc
 Ngày 05 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 183 người (31 tháng 12 năm 2014: 174 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

